

KẾ HOẠCH

Hành động 100 ngày triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BCĐ ngày /7/2026
của Trưởng Ban Chỉ đạo của Bộ Tư pháp về phát triển khoa học,
công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Cụ thể hoá đầy đủ, kịp thời kết luận, chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo Trung ương) tại Thông báo số 24-TB/CQTTBCĐ ngày 07/7/2026 của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương, Thông báo số 25-TB/CQTTBCĐ ngày 11/7/2026 của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương; nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo Trung ương giao tại Kế hoạch số 05-KH/BCĐTW ngày 11/7/2026 ban hành Kế hoạch hành động 100 ngày xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số trong hệ thống chính trị.

b) Tạo bước chuyển rõ rệt trong phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, quản trị, điều hành và phục vụ, đồng bộ giữa các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Đảng ủy Bộ Tư pháp và các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp; bảo đảm hoạt động của hệ thống chính trị và chính quyền 3 cấp vận hành đồng bộ, thông suốt, an toàn, dựa trên dữ liệu.

c) Đổi mới phương thức quản trị theo sản phẩm đầu ra, mức độ sử dụng thực tế và giá trị mang lại; giảm thao tác thủ công, giảm giấy tờ, giảm thời gian và chi phí cho cơ quan, cán bộ, người dân, doanh nghiệp.

d) Thiết lập kỷ luật, nguyên tắc thống nhất trong quản trị dữ liệu, hạ tầng, nền tảng số và bảo đảm an ninh mạng; không để tình trạng đầu tư phân tán, cát cứ dữ liệu, trùng lặp hệ thống và tình trạng nguồn lực đã bố trí nhưng triển khai, giải ngân chậm.

2. Yêu cầu

a) Tiếp tục quán triệt sâu sắc Nghị quyết số 57-NQ/TW gắn với triển khai

Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng. Phải nhận thức sâu sắc khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực chủ yếu để đổi mới mô hình phát triển, xác lập mô hình tăng trưởng mới; là con đường tất yếu để hiện thực hoá hai mục tiêu 100 năm của đất nước. Trong bối cảnh cạnh tranh công nghệ ngày càng gay gắt, việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW không chỉ nhằm khắc phục nguy cơ tụt hậu mà còn trực tiếp góp phần nâng cao năng lực tự chủ chiến lược, bảo đảm quốc phòng, an ninh và chủ quyền quốc gia.

b) Tổ chức thực hiện theo nguyên tắc *“rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả”*; bảo đảm *“rõ các điều kiện bảo đảm cần thiết”* để triển khai đầy đủ, chất lượng, đúng tiến độ các nhiệm vụ được giao.

Các đơn vị được giao chủ trì phải rà soát từng nhiệm vụ, xác định rõ trách nhiệm, sản phẩm và thời hạn hoàn thành, tập trung xử lý dứt điểm các nhiệm vụ quá hạn, văn bản còn nợ đọng và những điểm nghẽn thuộc trách nhiệm của Bộ Tư pháp (nếu có).

c) Đổi mới mạnh mẽ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, cơ chế kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện theo sản phẩm đầu ra. Người đứng đầu các đơn vị phải trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW thuộc phạm vi đơn vị phụ trách; coi đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên của đơn vị, không phải là của cơ quan chuyên trách về công nghệ thông tin.

Người đứng đầu đơn vị chủ trì chịu trách nhiệm đến cùng về tiến độ, chất lượng về sản phẩm cuối cùng, không để tình trạng chậm trễ, kéo dài qua nhiều tháng, nhiều quý; đơn vị phối hợp chịu trách nhiệm về chất lượng và tiến độ thực hiện nhiệm vụ phối hợp theo phân công.

Chuyển mạnh sang tạo ra sản phẩm, kết quả và giá trị cụ thể, đóng góp trực tiếp vào mục tiêu tăng trưởng hai con số, kết quả thực hiện nhiệm vụ phải được lượng hoá bằng chỉ tiêu cụ thể và làm căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, cá nhân, nhất là người đứng đầu. Nhiệm vụ chỉ được xác nhận hoàn thành khi có sản phẩm đáp ứng đầy đủ yêu cầu, tiêu chí được giao và có minh chứng kiểm chứng được.

Đối với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng và dịch vụ số, sản phẩm phải vận hành được, có dữ liệu, có người sử dụng thực tế và bước đầu phát huy hiệu quả; không xác nhận hoàn thành đối với sản phẩm còn là dự thảo, chưa được ban hành, phê duyệt theo thẩm quyền hoặc chưa đưa vào sử dụng, trừ trường hợp sản phẩm được giao là hồ sơ trình cấp có thẩm quyền.

d) Tạo chuyển biến đồng bộ từ Trung ương đến địa phương, từ các cơ quan trong hệ thống chính trị đến toàn xã hội. Triển khai đồng bộ các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số giữa các cơ quan chuyên trách tham

muu, giúp việc Đảng ủy Bộ Tư pháp, các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp và các cơ quan, đơn vị có liên quan tại Trung ương và địa phương; ưu tiên dùng chung, tích hợp, chia sẻ, tái sử dụng; không đầu tư mới hệ thống, phần mềm, cơ sở dữ liệu trùng chức năng khi đã có nền tảng dùng chung đáp ứng yêu cầu. Tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ, đồng hành cùng địa phương, không để tình trạng triển khai thiếu thống nhất, đầu tư phân tán, trùng lặp, thiếu kết nối.

đ) Đẩy mạnh phát triển dữ liệu và các nền tảng dùng chung. Xác định dữ liệu là tài nguyên chiến lược, nền tảng của chuyển đổi số, vì vậy phải được tạo lập, quản lý, kết nối, chia sẻ và khai thác hiệu quả theo nguyên tắc “*đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung*”; tạo ra giá trị thiết thực cho hoạt động của cơ quan, tổ chức, người dân, doanh nghiệp, phát triển thị trường dữ liệu và đóng góp vào tăng trưởng kinh tế. Các đơn vị phải xác định:

- Việc xây dựng, cập nhật, làm sạch và quản trị dữ liệu là trách nhiệm chính trị của mình, không phải là nhiệm vụ riêng của cơ quan chuyên trách công nghệ thông tin;

- Từ nay đến hết năm 2026, tập trung tổng rà soát, làm sạch, chuẩn hoá, kết nối và tổ chức khai thác dữ liệu trong toàn hệ thống chính trị. Khẩn trương hoàn thành việc xây dựng tạo lập, chuẩn hoá các cơ sở dữ liệu chuyên ngành Bộ Tư pháp được giao theo Nghị quyết số 214/NQ-CP; kết nối, chia sẻ với Trung tâm Dữ liệu quốc gia để khai thác, dùng chung theo quy định; ưu tiên phát triển, sử dụng hạ tầng số và nền tảng số dùng chung, hạn chế đầu tư riêng lẻ, trùng lặp, lãng phí.

e) Chủ động phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo an toàn, có kiểm soát, hiệu quả. Xác định trí tuệ nhân tạo là công cụ hỗ trợ quan trọng nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác và năng suất lao động, nhưng không thay thế trách nhiệm, thẩm quyền và quyết định của con người. Việc phát triển, ứng dụng trí tuệ nhân tạo phải đúng mục đích, đúng thẩm quyền, có trách nhiệm, tránh lạm dụng; ưu tiên mô hình tập trung, dùng chung, hạn chế đầu tư phân tán, trùng lặp, lãng phí. Đồng thời, phải bảo đảm tuyệt đối an ninh quốc gia, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu ngay từ khâu thiết kế, sử dụng trí tuệ nhân tạo.

g) Bảo đảm an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và chủ quyền dữ liệu ngay từ khâu thiết kế; mọi hệ thống trọng yếu của Bộ Tư pháp (nếu có) phải được xác định, phê duyệt cấp độ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ được phê duyệt; hệ thống thông tin quan trọng phải được kiểm thử độc lập, phương án ứng cứu, sao lưu và khôi phục dữ liệu trước khi vận hành chính thức.

h) Cập nhật, giám sát tiến độ hàng tuần, hàng tháng trên Hệ thống theo dõi tình hình, thực hiện Nghị quyết, Chỉ thị, Kết luận của Trung ương (tại địa chỉ

theodoinq.dcs.vn), trong đó nêu rõ các nhiệm vụ chậm, nguyên nhân, trách nhiệm và biện pháp xử lý.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN

1. Phạm vi, đối tượng

a) Phạm vi: Các điểm nghẽn thuộc 9 nhóm vấn đề về thể chế; hạ tầng số; dữ liệu số; nền tảng số; dịch vụ công trực tuyến; kinh tế số; nguồn nhân lực; tài chính và giải ngân; kỷ luật thực thi và tuân thủ¹.

b) Đối tượng thực hiện: Các thành viên Ban Chỉ đạo của Bộ Tư pháp về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo), Thủ trưởng các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Đảng ủy Bộ Tư pháp, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp.

2. Thời gian: Thực hiện trong 100 ngày làm việc, từ ngày 10/7/2026 đến hết ngày 30/11/2026.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí thực hiện kế hoạch từ ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

- Ưu tiên kinh phí thường xuyên để vận hành, bảo trì các hệ thống thông tin cốt lõi và chi phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

- Nghiên cứu, đẩy mạnh áp dụng các mô hình Hợp tác công tư theo quy định của pháp luật, khuyến khích các doanh nghiệp công nghệ tham gia đầu tư vào việc phát triển các dịch vụ công hoặc các hệ thống nghiệp vụ có khả năng tự thu hồi vốn hoặc giảm gánh nặng ngân sách.

- Vận dụng các cơ chế tài chính khác (như nguồn thu dịch vụ công, vốn xã hội hóa) để bổ sung nguồn lực cho các hoạt động đào tạo nhân lực, nâng cao nhận thức và nghiên cứu ứng dụng công nghệ.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cục Công nghệ thông tin - Đơn vị thường trực Ban Chỉ đạo:

a) Là đơn vị đầu mối chủ trì hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị triển khai Kế hoạch; chủ trì cập nhật kịp thời tiến độ hằng tuần, hằng tháng trên Hệ thống theo dõi tình hình, thực hiện Nghị quyết, Chỉ thị, Kết luận của Trung ương (tại địa chỉ theodoinq.dcs.vn), trong đó nêu rõ các nhiệm vụ chậm, nguyên nhân, trách nhiệm và biện pháp xử lý.

b) Định kỳ hằng tuần báo cáo Ban Chỉ đạo, Lãnh đạo Bộ tình hình triển khai các nhiệm vụ theo kế hoạch; kịp thời báo cáo các nhiệm vụ có nguy cơ

¹ Bộ Tư pháp không có nhiệm vụ được giao đối với Xã hội số.

chậm muộn và đề xuất phương án xử lý để Ban Chỉ đạo, Lãnh đạo Bộ chỉ đạo.

2. Các thành viên Ban Chỉ đạo, Thủ trưởng các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Đảng ủy Bộ Tư pháp, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp:

a) Khẩn trương xây dựng Kế hoạch chi tiết tại đơn vị triển khai các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch, ***hoàn thành trước ngày 22/7/2026 (theo Phụ lục các nhiệm vụ kèm theo).***

b) Chủ động đề xuất nhiệm vụ của mình, không phải chỉ chờ Ban Chỉ đạo giao nhiệm vụ; phải xác định rõ nhiệm vụ của đơn vị để tổ chức, phân công thực hiện; tổ chức triển khai quyết liệt, hành động nỗ lực, khẩn trương hoàn thành các nhiệm vụ được giao, bảo đảm tiến độ, chất lượng; chủ động huy động và điều phối nguồn lực; thực hiện đồng thời, đúng quy định các thủ tục về chuẩn bị đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ, tạo lập dữ liệu, đào tạo, bảo đảm an ninh mạng và giải ngân kinh phí; không chờ có đủ mọi điều kiện mới bắt đầu triển khai.

c) Đối với nhiệm vụ liên ngành, đơn vị chủ trì có trách nhiệm chủ động tham mưu Ban Chỉ đạo, Lãnh đạo Bộ phân công rõ trách nhiệm, sản phẩm, thời hạn thực hiện của từng cơ quan phối hợp; kịp thời trao đổi, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và tham mưu Ban Chỉ đạo, Lãnh đạo Bộ báo cáo Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo đối với những vấn đề vượt thẩm quyền hoặc có nguy cơ ảnh hưởng đến tiến độ chung.

d) Định kỳ hằng tuần tự kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện, phối hợp với Cục Công nghệ thông tin báo cáo Ban Chỉ đạo, Lãnh đạo Bộ tình hình triển khai các nhiệm vụ theo kế hoạch; đối với nhiệm vụ ***có nguy cơ chậm từ 5 ngày trở lên***, phải kịp thời xây dựng, triển khai phương án khắc phục và phản ánh các khó khăn, vướng mắc, các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Kế hoạch, phối hợp với Cục Công nghệ thông tin giải quyết hoặc báo cáo Ban Chỉ đạo, Lãnh đạo Bộ các nội dung vượt thẩm quyền.

đ) Trường hợp đã áp dụng các biện pháp khắc phục nhưng vẫn không thể hoàn thành đúng hạn do nguyên nhân khách quan, đơn vị chủ trì phải báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; đồng thời tham mưu Ban Chỉ đạo, Lãnh đạo Bộ báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương ***trước ngày 30/10/2026*** đối với các nhiệm vụ thật sự cần thiết, cấp bách.

3. Cục Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm tổng hợp, tham mưu Lãnh đạo Bộ trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước để triển khai các nhiệm vụ trong Kế hoạch này./.